

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 26-4-2024.

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ VANG - TP ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng.

2. Ông Tân Nghị.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Đình Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 28/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1); địa chỉ: B - B N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức danh: Tổng giám đốc S1; người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Ông Đoàn Quốc C, chức danh: Chuyên viên xử lý nợ Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: Số A - 130 - 132 đường B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Quyết định số: 327/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 v/v uỷ quyền ký hợp đồng/thoả thuận, văn bản và tham gia tố tụng của Tổng giám đốc S1 và Giấy uỷ quyền số: 40/2024/UQ-CNĐN ngày 16/4/2024 của Giám đốc Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng, có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Thanh L - sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; số CMND: 201732465, cấp ngày: 18/12/2017, nơi cấp: Công an thành phố Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng ngày 07 tháng 7 năm 2023, các bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2024, ngày 08 tháng 4 năm 2024 và tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2019, ông **Trần Thanh L** có ký với **Ngân hàng TMCP S** – Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng), và được phía Ngân hàng chấp nhận cấp thẻ vào ngày 23 tháng 12 năm 2019.

Căn cứ thu nhập của ông **L**, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất áp dụng 2,6%/tháng theo Quyết định số: 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ **S1** phát hành tại Việt Nam, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn (lãi suất quá hạn 3,9%/tháng), khách hàng được miễn lãi 35 ngày cho giao dịch thanh toán điện tử, riêng giao dịch rút bằng tiền mặt thì lãi suất được tính kể từ ngày phát sinh giao dịch; số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng với số thẻ 472074-5040, ông **L** đã nhiều lần thực hiện giao dịch thanh toán với tổng số tiền 17.364.800đ (*mười bảy triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm đồng*), chưa bao gồm các loại phí và lãi suất phát sinh. Vì ông **L** thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đúng với thoả thuận dù đã được thông báo từ Ngân hàng, nên đến ngày 23 tháng 06 năm 2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu bao gồm: tiền nợ đầu kỳ, phí trễ hạn và lãi phát sinh với tổng số tiền 17.388.429đ (*mười bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng*) sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Như vậy, tại thời điểm chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất 3,9%/tháng, dự nợ gốc của ông **L** là 17.388.429đ.

Tính từ ngày 23 tháng 06 năm 2022 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024 (ngày xét xử), ông **L** phải thanh toán tiền gốc vay là 17.388.429đ và tiền lãi quá hạn là 9.961.720đ (*chín triệu chín trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm hai mươi đồng*), tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng là 27.350.149đ (*hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn một trăm bốn mươi chín đồng*).

Bị đơn ông **Trần Thanh L** không trình bày ý kiến, không đến Toà án để tham gia tố tụng dù đã được Toà án cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** đối với ông **Trần Thanh L** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng số 472074-5040 với hạn mức tín dụng 15.000.000đ cho ông Trần Thanh L theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng vào ngày 23 tháng 12 năm 2019, với mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất 2,6%/tháng, lãi quá hạn 3,9%/tháng. Quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã nhiều lần thực hiện giao dịch với tổng số tiền 17.364.800đ (mười bảy triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm đồng). Tính đến ngày 23 tháng 6 năm 2022, ông L còn nợ lại các khoản gồm: Số tiền dư nợ đầu kỳ 16.858.270đ, phí trễ hạn: 183.496đ, phí VHM: 50.000đ, lãi phát sinh 296.663đ. Tổng số tiền các khoản nêu trên là 17.388.429đ (mười bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), được chuyển sang nợ gốc quá hạn do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[4] Xét thấy Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, những người tham gia ký kết đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 463 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do ông Trần Thanh L không thực hiện thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng chấm dứt cấp tín dụng, khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 34 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông L thanh toán tổng số tiền nợ 27.350.149đ (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn một trăm bốn mươi chín đồng), trong đó nợ gốc quá hạn là 17.388.429đ (mười bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 23 tháng 6 năm 2022 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024 là 9.961.720đ (chín triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi đồng). Ngoài ra, đại diện Ngân hàng còn yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh do chậm trả đối với số tiền nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn nêu trên kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp. Xét thấy yêu cầu thanh toán của đại diện nguyên đơn đối với bị đơn đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, thỏa thuận tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng mà hai bên đã ký kết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Ông Trần Thanh L phải chịu 1.367.500đ (27.350.149đ x 5%, đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** đối với ông **Trần Thanh L** về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông **Trần Thanh L** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S** tổng số tiền 27.350.149đ (*hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn một trăm bốn mươi chín đồng*), trong đó nợ gốc quá hạn là 17.388.429đ (*mười bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng*), tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 23 tháng 6 năm 2022 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024 là 9.961.720đ (*chín triệu chín trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

Kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên thì hàng tháng ông **Trần Thanh L** còn phải chịu tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc (17.388.429đ) theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17 tháng 12 tháng 2019, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP S** mà hai bên đã ký kết.

2. Về án phí: Ông **Trần Thanh L** phải chịu 1.367.500đ (*một triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 548.500đ (*năm trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0001716 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/4/2024). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoà Vang;
- CCTHADS huyện Hoà Vang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn